

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Bệnh viện Đa khoa Bình Điền số 251/TTr-BVĐKBĐ
ngày 21/6/2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện
Đa khoa Bình Điền”; Văn bản 184/GT-BVĐKBĐ ngày 10/4/2023 về việc giải
trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi
trường cơ sở “Bệnh viện Đa khoa Bình Điền” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 200/TTr-STNMT-MT ngày 25 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Bình Điền, địa chỉ tại xã
Bình Tiến, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt
động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa Bình Điền tại xã Bình
Tiến, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Bình Điền.
1.2. Địa điểm hoạt động: xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa
Thiên Huế.

1.3. Quyết định thành lập số 755/QĐ-UBND ngày 07/4/2011 của
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa Bình Điền.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô 70 giường
- Diện tích: 18.292,7 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa Bình Điền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, (kể từ ngày ký cấp Giấy phép môi trường).

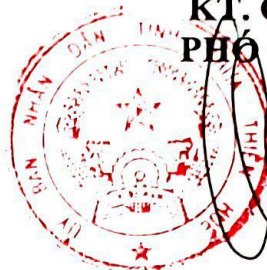
Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Bệnh viện Đa khoa Bình Điền;
- UBND TX Hương Trà;
- UBND xã Bình Tiến;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn 3: phát sinh từ căn tin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải phát sinh tại Bệnh viện Đa khoa Bình Điền được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung và có 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước ngoài hàng rào Bệnh viện chảy về khe Đìng đoạn chảy qua xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà, sau đó chảy về điểm tiếp nhận cuối cùng là sông Hữu Trạch.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: (Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰)

X (m): 1.810.552,91 Y (m): 554.180,13

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C _{max} , Cột A, K = 1,2.)
1.	pH	-	6,5-8,5
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36
3.	COD	mg/l	60
4.	TSS	mg/l	60
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C_{max} , Cột A, $K = 1,2$.)
6.	NH_4^+-N	mg/l	6
7.	$NO_3^- -N$	mg/l	36
8.	$PO_4^{3-} -P$	mg/l	7,2
9.	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	12
10.	Tổng coliforms	MPN/ 100mL	3000
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2
13.	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
14.	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
15.	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH

Chú thích:

QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

$$C_{max} = C \times K$$

Trong đó:

C là giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở để tính toán C_{max} .

K là hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế. Bệnh viện Đa khoa Bình Điền có quy mô 50 giường bệnh nên chọn $K = 1,2$.

Đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số $K = 1,0$.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ căn tin, hoạt động ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... được

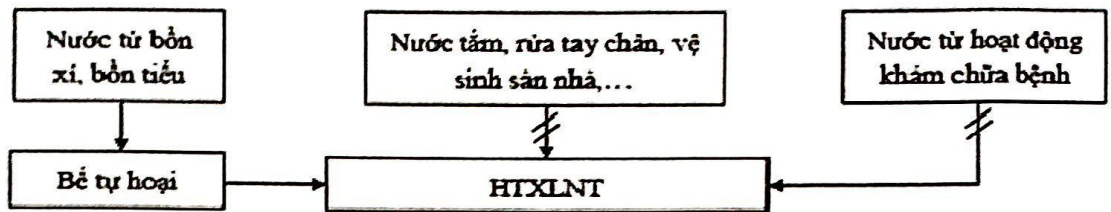
tách rác sơ bộ sau đó đưa đến HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được tách rác sơ bộ thu gom sau đó đưa đến HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng các ống nhựa uPVC D160 đi âm trong tường và dưới sàn dài khoảng 60m, nhập tuyến ống uPVC D180 dài khoảng 115m đưa nước thải đến HTXLNT.

- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống uPVC D200 dài khoảng 25m, dẫn nước thải sau xử lý ra mương thoát nước, dẫn xả vào khe Đêng, sau đó đổ vào sông Hữu Trạch, đoạn chảy qua xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà.

* Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải:



Chú thích: //: Lưới chắn rác

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải của Bệnh viện được đưa về HTXLNT tập trung đã được xây dựng và đưa vào vận hành năm 2019 với công suất là 100m³/ngày.đêm.

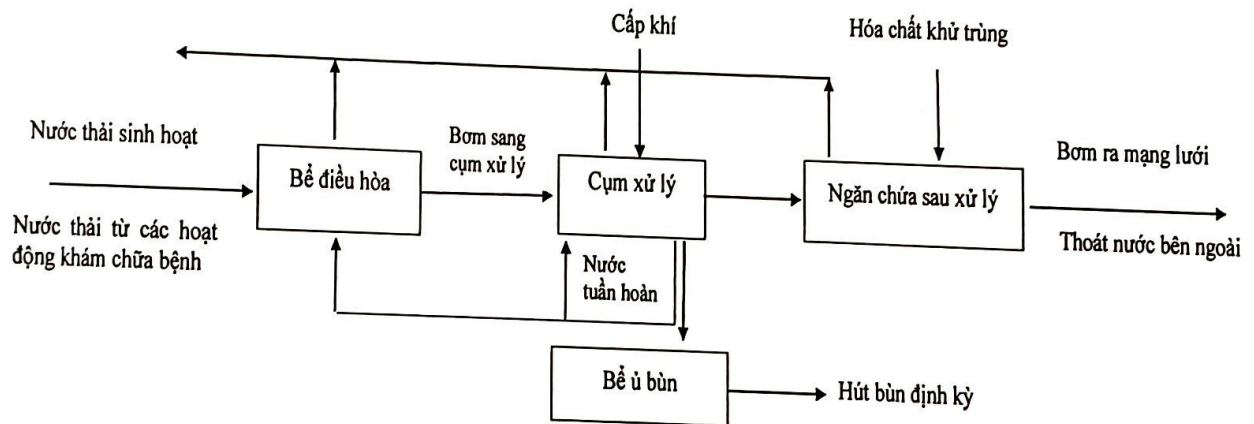
- HTXLNT tập trung sử dụng công nghệ xử lý các chất ô nhiễm bằng công nghệ AAO, là công nghệ điều hòa lưu lượng kết hợp đệm vi sinh lưu động, vật liệu lọc. Công nghệ này xử lý nước thải theo phương pháp sinh học, dùng các vi sinh vật kỵ khí, hiếu khí phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải. Công nghệ sử dụng màng lọc khuẩn nhằm tăng bề mặt tiếp xúc giữa nước thải với các vi sinh vật đặc hiệu.

- Kích thước các bể xử lý:

STT	Tên bể	Vật liệu	Kích thước	Thể tích (m ³)
1	Ngăn phân ly rắn lỏng	BTCT M200	L×W×H (m) 2×1,0×1,5	3,0
2	Ngăn điều hòa lưu lượng	BTCT M200	L×W×H (m) 2×1,0×1,5	3,0
3	Ngăn khử Nito	BTCT M200	L×W×H (m) 7,7×4,9×2	75,46
4	Khoang đệm vi sinh lưu động	Thiết bị hợp khối	L×W×H (m) 2,5×1,2×1,7	5,1

STT	Tên bể	Vật liệu	Kích thước	Thể tích (m ³)
5	Khoang tuần hoàn	Thiết bị hợp khối	L×W×H (m) 0,6 x1,2x1,7	1,22
6	Khoang lọc	Thiết bị hợp khối	L×W×H (m) 0,6 x1,2x1,7	1,22
7	Khoang khử trùng	Thiết bị hợp khối	L×W×H (m) 0,6 x1x1,7	1,02
8	Khoang chứa nước sau xử lý	BTCT M200	L×W×H (m) 1x1x1,5	1,5

* Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



- Chất lượng nước sau xử lý: QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C_{max} , cột A, K=1,2; đối với các thông số pH, tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, K=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý nước thải.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2.000, KTT 107⁰, múi chiều 3⁰):

X (m): 1.808.762,72

Y (m): 554.192,90

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
QCVN 26:2010/BTNMT			
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chủng loại, khối lượng:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	LN	Rắn/lỏng	900
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	35
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	Đ	Rắn/lỏng	1
4	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	19 01 01	Đ, ĐS, AM	Lỏng	30
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	16 01 06	Đ, ĐS	Rắn	15
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	13 03 02	Đ, ĐS	Rắn	3
Tổng cộng					984

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường

- Chúng loại, khối lượng:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (Kg/năm)
A	CTR thông thường sử dụng để tái chế			410
I	Chất thải là vật liệu giấy			
1	Giấy, báo, bì, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	100
II	Chất thải là vật liệu nhựa			
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 06	Rắn	50
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 06	Rắn	80
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	18 01 11	Rắn	100
III	Chất thải là vật liệu kim loại			
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 08	Rắn	80
B	CTR thông thường không sử dụng để tái chế			7.200
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa, phòng, các buồng bệnh không cách ly không có khả năng tái chế	-	-	7.200
Tổng cộng				7.610

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Bệnh viện đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và công trình Đô thị Huế thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo hợp đồng số 99YT/2023/317/GPMT-BTNMT ngày 02/01/2023.

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* 10 hộp duplex chống thùng 10 lít, 04 thùng nhựa HDPE 05 lít, 01 thùng nhựa HDPE 10 lít, 10 thùng nhựa HDPE 15 lít, 07 thùng nhựa HDPE 240 lít.

2.1.2. Khu vực lưu giữ:

Khu vực lưu giữ CTNH ở hướng Tây Nam của Bệnh viện có diện tích 10m², có mái che kết cấu tôn, nền bằng bê tông chống thấm, được nâng lên cao hơn so với địa hình xung quanh và xây gờ xung quanh được bố trí các phương tiện, thiết bị sau:

- Lắp đặt biển cảnh báo.
- Bố trí hệ thống thu gom nước thải. Nước thải được thu gom vào hố ga có kích thước 1x1x1m.
- Bố trí thiết bị lưu giữ, dán nhãn phân biệt, mã số CTNH.
- Bố trí vật liệu hấp thụ bao gồm: 01 bao cát khô (10kg) và 01 bao mùn cưa (20kg) và 01 xẻng, 02 bình chữa cháy tại
- Bố trí vòi nước, dung dịch vệ sinh, khử khuẩn.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 45 thùng nhựa HDPE 15 lít, 05 thùng nhựa HDPE 240 lít.
- Khu vực lưu giữ CTR thông thường được bố trí ở hướng Tây Nam của Bệnh viện có kết cấu mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc tại Bệnh viện.
- Xây dựng, ban hành và yêu cầu cán bộ công nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy lao động, nội quy về trang bị bảo hộ lao động.
- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các nội quy lao động của cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

2. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Trang bị các biển báo cấm lửa, các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.
- Nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, các quy định: được niêm yết tại các khu vực dễ thấy.
- Trang bị hệ thống điện có hệ thống tự động đóng ngắt.
- Bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như: bình chữa cháy các loại, hệ thống chữa cháy vách tường,...
- Bố trí lối thoát nạn thuận lợi cho việc thoát nạn khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Yêu cầu cán bộ công nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy về PCCC tại Bệnh viện.
- Tổ chức tập huấn cách sử dụng các thiết bị PCCC cho cán bộ công nhân viên.
- Xây dựng nội quy, quy chế an toàn phòng chống cháy nổ treo nơi dễ nhìn thấy.

3. Các biện pháp phòng ngừa sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh

- Thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm: bảo quản, chế biến thức ăn hợp vệ sinh.
- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...
- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh như thực hiện thông điệp 2K (Khẩu trang - Khử khuẩn) phòng chống dịch bệnh Covid 19.
- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hằng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi,...

4. Các biện pháp phòng ngừa sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu

Thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới nếu thiết bị cũ có vấn đề hoặc hết hạn sử dụng.

5. Các biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ hoá chất, nhiên liệu

- Bệnh viện tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.
- Trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố.
- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, áp dụng các biện pháp an toàn.
- Bên cạnh đó, khi xảy ra sự cố:
 - + Ngay lập tức thực hiện các biện pháp sơ cứu.
 - + Báo cáo ngay với người có trách nhiệm.

+ Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố, nguồn gốc phát sinh sự cố, những vấn đề nguy hiểm có thể xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp giám sát y tế: xét nghiệm máu hoặc các xét nghiệm khác nếu có chỉ định.

+ Điều tra sự việc, xác định và thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.

+ Bổ sung các lưu ý về vấn đề an toàn, giám sát y tế nếu cần thiết.

+ Các khu vực bị ô nhiễm phải được làm sạch và khử trùng nếu cần thiết.

+ Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của nhân viên trong quá trình làm sạch.

+ Hạn chế tối đa sự tác động của sự cố đến bệnh nhân, cán bộ công nhân viên khác và môi trường.

6. Các biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai

- Thành lập đội phòng chống thiên tai, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức phòng chống khi có sự cố do thiên tai xảy ra.

- Xây dựng phương án phòng chống bão trước mùa mưa bão.

- Vào mùa mưa bão, phải thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống bão lụt tại địa phương để cập nhật thông tin, trao đổi kinh nghiệm và phối hợp triển khai các phương án phòng chống bão.

- Có kế hoạch che chắn nguồn nguyên vật liệu để tránh ảnh hưởng của mưa bão.

7. Các biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải rò rỉ từ hệ thống

- Các công trình, đường ống và thiết bị được thiết kế và xây dựng đảm bảo kín; khống chế được sự rò rỉ của nước thải.

- Sử dụng và lắp đặt các đường ống dẫn nước đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật.

- Định kỳ kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn trong các đường ống để có biện pháp xử lý.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.